TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM-PT
Ngày 15 tháng 01 năm 2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Chưng.

Ông Trần Văn Thái.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Ông Trịnh Duy Tám - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2017/TLPT-KDTM ngày 04/10/2017, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2017/KDTM-ST ngày 27/7/2017 của Toà án nhân dân thị xã P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2017/QĐPT-KDTM ngày 14/11/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng V.

Địa chỉ trụ sở: Đường T, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh N - Cán bộ xử lý nợ (Theo văn bản ủy quyền số 812/2016/UQ-VPB ngày 19/5/2016), có mặt.

- *Bị đơn:* 1.Ông Đỗ Thanh L, sinh năm 1971, vắng mặt.

2. Bà Đinh Thị Thanh L1, sinh năm 1972, có mặt.

Đều cư trú tại: Phường T1, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông L: Bà Đinh Thị Thanh L1 (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/12/2016), có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đinh Thị Thanh L1:* Ông Phan Tùng L2 - Luật sư Công ty Luật N1 - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có

mặt.

Địa chỉ: phố H1, quận X, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Chị Ngô Thị Thu H2, sinh năm 1988, vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Đường V1, phường X1, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người kháng cáo: Bà Đinh Thị Thanh L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thị xã P, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 3 năm 2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng V trình bày:

Ngày 13/01/2014 Ngân hàng V, chi nhánh V2 có thỏa thuận ký hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số M1455901 với ông Đỗ Thanh L và bà Đinh Thị Thanh L1, nội dung cấp hạn mức tín dụng cho ông L và bà L1 vay số tiền 800.000.000đồng *(tám trăm triệu đồng);* thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất được ghi cụ thể trong từng khế ước nhận nợ là 12%/năm; mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh xe ô tô cũ. Trên cơ sở hợp đồng tín dụng hạn mức này, Ngân hàng V, chi nhánh V2 đã giải ngân cho ông Đỗ Thanh L và bà Đinh Thị Thanh L1 số tiền 800.000.000 đồng. Ông L, bà L1 đã ký với Ngân hàng V, chi nhánh V2 các Khế ước nhận nợ lần 02/Số M1455901/02 ngày 29/5/2014, lần 03/Số M1455901/03 ngày 07/6/2014 và lần 04/Số M1455901/04 ngày 07/8/2014, tổng số tiền là 800.000.000đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông L và bà L1 đã ký với Ngân hàng V, chi nhánh V2 hợp đồng thế chấp số TC1255983 ngày 13/11/2012. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đỗ Thanh L và bà Đinh Thị Thanh L1, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 662066, do UBND thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 02/08/2011 vào sổ cấp GCN số: CH 06516; mang tên bà Đinh Thị Thanh L1. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng ngày 13/11/2012 tại Văn phòng công chứng Y và Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 14/11/2012 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã P. Khối tài sản đảm bảo cho khoản vay hiện ông L và bà L1 đang quản lý, sử dụng, kể từ khi thế chấp cho đến nay khối tài sản vẫn giữ nguyên hiện trạng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đỗ Thanh L và bà Đinh Thị Thanh L1 đã thanh toán cho Ngân hàng V, chi nhánh V2 số tiền: 44.784.931 đồng (*Bốn mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi mốt đồng*), ông Đỗ Thanh L và bà Đinh Thị Thanh L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ các ngày

29/11/2014, ngày 07/12/2014 và ngày 25/12/2014 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tính đến ngày 27/7/2017, ông L và bà L1 còn nợ Ngân hàng V, chi nhánh V2 tổng số tiền là: 1.293.478.223đồng (*Một tỷ hai trăm chín mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm hai mươi ba đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 800.000.000đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.385.069đồng; Nợ lãi quá hạn: 390.194.375đồng; Phạt chậm trả lãi: 99.898.779đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút phần yêu cầu số tiền phạt chậm trả lãi theo 03 khế ước nhận nợ là 99.898.779 đồng và đề nghị Tòa án buộc ông Đỗ Thanh L, bà Đinh Thị Thanh L1 phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số tiền là 1.193.579.444 đồng (trong đó, nợ gốc: 800.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 3.385.069 đồng và nợ lãi quá hạn: 390.194.375 đồng) và lãi chậm trả trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ kể từ ngày 28/7/2017 cho đến ngày thanh toán hết khoản nợ. Nếu ông Đỗ Thanh L và bà Đinh Thị Thanh L1 không trả nợ, Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Cụ thể: Quyền sử dụng đất, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đỗ Thanh L và bà Đinh Thị Thanh L1, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 662066, do UBND thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 02/08/2011 vào sổ cấp GCN số: CH 06516; mang tên bà Đinh Thị Thanh L1 và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của ông Đỗ Thanh L và bà Đinh Thị Thanh L1 trong trường hợp kê biên, phát mại tài sản bảo đảm không đủ trả hết khoản nợ.

Trong văn bản ghi ý kiến ngày 07 tháng 5 năm 2016, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn và người bảo vệ quyền lợi cho bà L1 trình bày:

Vợ chồng ông L bà L1 có ký hợp đồng hạn mức tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng V, chi nhánh V2 và các kế ước nhận nợ với tổng số tiền 800.000.000đồng như đại diện nguyên đơn trình bày là đúng. Tuy nhiên, số tiền 800.000.000đồng bà L1 nhận từ chị Ngô Thị Thu H2, cán bộ tín dụng của Ngân hàng V, chi nhánh V2 sau đó bà L1 đã trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng V, chi nhánh V2 thông qua tài khoản của chị H2 và trừ vào số tiền chị H2 vay của bà. Cụ thể: Bà L1 chuyển tiền 02 lần vào tài khoản của chị H2, lần 1 chuyển 180.000.000đồng vào ngày 13/10/2014, lần 02 chuyển 195.000.000đồng vào ngày 16/10/2014. Tổng số tiền 02 lần chuyển qua tài khoản chị H2 là 375.000.000đồng. Số tiền còn lại chị H2 sẽ trực tiếp trả cho Ngân hàng V, chi nhánh V2 vì chị H2 nợ bà L1 số tiền 1.000.000.000đồng từ trước. Ngày

26/12/2014 bà L1 được chị H2 đưa cho bà Thông báo giải chấp tài sản thế chấp vay vốn Ngân hàng V, chi nhánh V2 và văn bản xuất tài sản thế chấp ngày 23/12/2014. Đến nay, bà L1 khẳng định vợ chồng ông bà đã trả hết tiền gốc và lãi cho Ngân hàng V, chi nhánh V2 và Ngân hàng V, chi nhánh V2 đã có văn bản xóa thế chấp cho vợ chồng ông bà. Ông L, bà L1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong bản khai ngày 23 tháng 3 năm 2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Ngô Thị Thu H2 trình bày: Trước đây chị là cán bộ của Ngân hàng V, chi nhánh V2 nhưng sau đó vì lý do cá nhân nên chị không tiếp tục làm tại Ngân hàng V, chi nhánh V2. Chị và bà Đinh Thị Thanh L1 quen biết nhau từ lâu và hai bên có quan hệ vay tiền với nhau. Có thời điểm, chị vay tiền của bà L1, có thời điểm bà L1 vay tiền của chị. Việc vay mượn tiền của chị và bà L1 diễn ra nhiều lần nhưng đều là việc vay mượn cá nhân không liên quan đến hoạt động cho vay của Ngân hàng V, chi nhánh V2 cũng như không liên quan đến hợp đồng vay vốn tín dụng của vợ chồng bà L1 tại Ngân hàng V, chi nhánh V2. Trong thời gian vợ chồng bà L1 vay vốn tín dụng tại Ngân hàng V, chi nhánh V2, chị chưa bao giờ cầm tiền của bà L1 để trả nợ giúp bà L1, trừ một lần chị nộp giúp bà tiền lãi khoảng 10.000.000đ. Ngày 26/12/2014 chị có đưa cho bà L1 02 tài liệu gồm: Thông báo về việc giải chấp tài sản thế chấp vay vốn Ngân hàng và Công văn về việc Xuất tài sản thế chấp. Hai tài liệu này chị soạn thảo vì thời gian đó chị hứa với bà L1 sẽ hỗ trợ chuyển hồ sơ vay vốn sang Ngân hàng khác nên chị đã soạn sẵn 02 văn bản trên rồi nhờ cán bộ trong Phòng Tín dụng trình Giám đốc (thời điểm đó là ông Lê Văn V3) ký và chuyển bộ phận hành chính của Ngân hàng V, chi nhánh V2 đóng dấu. Việc chị soạn thảo hai văn bản trên là không đúng quy trình vì nếu đúng thì bà L1 phải nộp tiền vào tài khoản, sau khi có giấy nộp tiền vào tài khoản thì Giám đốc mới ký. Chị làm trước văn bản như trên vì cho rằng bà L1 sẽ chuyển được tiền vào tài khoản hoặc chị sẽ cho bà L1 vay để tất toán khoản vay tại Ngân hàng V, chi nhánh V2 nhưng thực tế bà L1 không chuyển được tiền và chị cũng không cho bà L1 vay tiền nên bà L1 không thực hiện việc tất toán hợp đồng vay vốn và không thể xuất được tài sản bảo đảm. Vì bà L1 chưa thanh toán nợ tại Ngân hàng V, chi nhánh V2 nên Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện đòi tiền ông L, bà L1 là đúng.

Với nội dung trên, tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 27/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã P đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 317, 357, 463, 466 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 94 và Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 3 Điều 130 của Luật đất đai 2003, sửa đổi bổ sung 2010; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 48 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009.

1. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu về số tiền phạt chậm trả lãi là 99.898.779 đồng *(chín chín triệu, tám trăm chín tám nghìn, bảy trăm bảy chín đồng)* của Ngân hàng thương mại cổ phần V với ông Đỗ Thanh L và bà Đinh Thị Thanh L1.

2. Buộc ông Đỗ Thanh L và bà Đinh Thị Thanh L1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số tiền 1.193.579.444 đồng (*một tỷ một trăm chín ba triệu năm trăm bảy chín nghìn bốn trăm bốn bốn đồng*). Trong đó tiền gốc là 800.000.000 đồng (*tám trăm triệu đồng*), tiền lãi trong hạn là 3.385.069 đồng (*ba triệu ba trăm tám lăm nghìn không trăm sáu chín đồng*), tiền lãi quá hạn là 390.194.375 đồng *(ba trăm chín mươi triệu một trăm chín tư nghìn ba trăm bảy lăm đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Đỗ Thanh L và bà Đinh Thị Thanh L1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số M1455901 ngày 13/01/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Nếu ông Đỗ Thanh L và bà Đinh Thị Thanh L1 không trả hết các khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để đảm bảo thi hành án. Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số TC1255983 ngày 13/11/2012 gồm: Quyền sử dụng diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 80,4m^2, diện tích đo thực tế theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/3/2017 là 82 m^2, thửa đất số 34-1, tờ bản đồ số 36, địa chỉ thửa đất tại tổ 15, phường T1, thị xã P và toàn bộ tài sản, công trình gắn liền trên đất.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án.

Sau khi án sơ thẩm xử xong, ngày 09/8/2017 bà L1 kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc buộc bà phải trả nợ cho Ngân hàng. Lý do: Bà cho rằng đã trả toàn bộ số tiền vay của Ngân hàng thông qua chị Ngô Thị Thu H2 là

cán bộ tín dụng và chị H2 đã giao cho bà thông báo trả hết nợ và thông báo giải chấp tài sản; Ngân hàng phải có trách nhiệm đối với cán bộ của mình; bà đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L1 đề nghị Hội đồng xét xử chuyển hồ sơ cho Công an tỉnh Vĩnh Phúc để điều tra, làm rõ hành vi lừa đảo của chị Ngô Thị Thu H2.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L1, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thị xã P.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về hình thức, đơn kháng cáo của bà Đinh Thị Thanh L1 được làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

[2] *Về nội dung kháng cáo:*

Bà L1 cho rằng đã trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thông qua chị H2; khi nêu vấn đề này bà đã xuất trình cho Tòa án thông báo của Ngân hàng về việc bà đã tất toán khoản vay cùng thông báo giải chấp tài sản.Về việc bà Đinh Thị Thanh L1 khẳng định đã trả hết Ngân hàng V, chi nhánh V2 tiền gốc và tiền lãi vì bà đã nhận được "Thông báo v/v giải chấp tài sản thế chấp vay vốn Ngân hàng" và văn bản "Kính gửi bà Đinh Thị Thanh L1" về việc xuất tài sản thế chấp của ngân hàng. Hai văn bản này chị H2, cán bộ Ngân hàng V, chi nhánh V2 thừa nhận tự soạn thảo và làm sai quy trình vì thực tế bà L1 chưa thanh toán các khoản nợ tại Ngân hàng V, chi nhánh V2. Mặt khác, theo Kết luận giám định số 131/KLGĐ-PC54 ngày 31/3/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chữ ký đứng tên " GIÁM ĐỐC Lê Văn V3" trên hai tài liệu "Thông báo v/v giải chấp tài sản thế chấp vay vốn Ngân hàng" và văn bản "Kính gửi bà Đinh Thị Thanh L1" mà bà L1 nhận được không phải là chữ ký của ông Lê Văn V3 - nguyên Giám đốc Ngân hàng V, chi nhánh V2 tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng. Do đó, 02 văn bản đó không có giá trị pháp lý.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, chị H2 và gia đình xuất trình cho Tòa án văn bản chị trả nợ cho bà L1 số tiền 375.000.000 đồng và văn bản chị vay bà L1 số tiền 1.000.000.000 đồng để đáo hạn nợ cho chị Vũ Thị Thúy H, sau đó chị H đã trả nợ cho bà L1 khoản tiền này thông qua tài khoản của bố bà L1. Về hai khoản tiền này, bà L1 cho rằng chị H2 lừa đảo chiếm đoạt của bà nên đã có đơn yêu cầu Công an tỉnh Vĩnh Phúc điều tra làm rõ, quá trình điều tra, Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã xác định được chị H2 có vay bà L1 hai khoản tiền

này và chỉ là giao dịch dân sự, cho nên Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã có quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với chị H2; hơn nữa hai khoản tiền được bà L1 và chị H2 giao dịch không liên quan đến vụ án này, cho nên đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L1 không được chấp nhận. Điều này thể hiện có việc bà L1 chuyển tiền cho chị H2 thông qua tài khoản của chị H2 tại Ngân hàng, tuy nhiên đây chỉ là việc giao dịch dân sự giữa hai bên và chị H2 đã trả tiền cho bà L1. Mặt khác, toàn bộ sao kê giao dịch tài khoản của bà L1 và chị H2 *(Tại phiên toà, bà L1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L1 thừa nhận toàn bộ sao kê lịch sử giao dịch tài khoản của bà L1 do Ngân hàng cung cấp là đúng pháp luật)* được lập tại Ngân hàng tại thời điểm bà L1 cho rằng chuyển tiền cho chị H2 thì đều không thể hiện khoản tiền và nội dung nào liên quan đến việc bà trả tiền gốc cho Ngân hàng thông qua tài khoản của chị H2, chỉ có một lần duy nhất vào ngày 25/12/2012 chị H2 nộp số tiền 4.800.000 đồng vào tài khoản của bà L1 với nội dung trả lãi vay. Mặt khác, bà L1 cho rằng đã trả tiền cho Ngân hàng thông qua chị H2 với tổng số tiền 1.375.000.000 đồng *(Trong đó có khoản tiền 1 tỷ đồng vào ngày 18/01/2013 và số tiền 375.000.000 đồng vào tháng 10/2014 - BL 253 và lời khai tại phiên toà phúc thẩm)*, vậy bà trả nợ cho Ngân hàng trước cả thời điểm vay tiền và ký hợp đồng tín dụng. Hơn nữa, thời điểm xét xử sơ thẩm 27/7/2017 thì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chỉ buộc bà L1 trả tiền gốc và lãi là chưa đầy 1,2 tỷ đồng, chưa bằng số tiền bà cho rằng đã trả cho Ngân hàng vào năm 2013 và 2014. Ngoài ra, theo như bà L1 trình bày thì tháng 10/2014 bà đã trả xong toàn bộ nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên sau thời điểm này sao kê lịch sử giao dịch tài khoản của bà tại Ngân hàng vẫn thể hiện bà trả lãi đối với hợp đồng vay vốn số M 1455901 ngày 13/01/2014 (BL 137 - 141). Toàn bộ các mâu thuẫn trong lời trình bày của bà L1 với các tài liệu chứng cứ của vụ án không được bà L1 làm rõ một cách thoả đáng. Như vậy, việc bà L1 cho rằng đã trả toàn bộ tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thông qua chị H2 là không có cơ sở, điều này một lần nữa khẳng định giao dịch giữa bà và chị H2 không liên quan đến khoản tiền bà vay Ngân hàng, bà có quyền yêu cầu chị H2 trả nợ nếu có đủ cơ sở. Cấp sơ thẩm đã quyết định buộc vợ chồng bà L1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là đúng pháp luật, cho nên không chấp nhận kháng cáo của bà L1, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã P.

[3] Về án phí:

Ông Đỗ Thanh L và bà Đinh Thị Thanh L1 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị Thanh L1. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 27/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã P.

Căn cứ vào các Điều 317, 357, 463, 466 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 94 và Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 3 Điều 130 của Luật đất đai 2003, sửa đổi bổ sung 2010; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009.

[1] Buộc ông Đỗ Thanh L và bà Đinh Thị Thanh L1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số tiền 1.193.579.444 đồng (*một tỷ một trăm chín ba triệu năm trăm bảy chín nghìn bốn trăm bốn bốn đồng*). Trong đó tiền gốc là 800.000.000 đồng (*tám trăm triệu đồng*), tiền lãi trong hạn là 3.385.069 đồng (*ba triệu ba trăm tám lăm nghìn không trăm sáu chín đồng*), tiền lãi quá hạn là 390.194.375 đồng *(ba trăm chín mươi triệu một trăm chín tư nghìn ba trăm bảy lăm đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Đỗ Thanh L và bà Đinh Thị Thanh L1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số M1455901 ngày 13/01/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Nếu ông Đỗ Thanh L và bà Đinh Thị Thanh L1 không trả hết các khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để đảm bảo thi hành án. Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số TC1255983 ngày 13/11/2012 gồm: Quyền sử dụng diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 80,4m^2, diện

tích đo thực tế theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/3/2017 là 82 m^2, thửa đất số 34-1, tờ bản đồ số 36, địa chỉ thửa đất tại phường T1, thị xã P và toàn bộ tài sản, công trình gắn liền trên đất. Trường hợp việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ để trả nợ, bà L1 và ông L vẫn phải trả tiền theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong toàn bộ nợ.

[2] Về án phí: Ông Đỗ Thanh L và bà Đinh Thị Thanh L1 phải chịu 47.807.383đồng (*Bốn mươi bảy triệu tám trăm linh bảy nghìn ba trăm tám ba đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bà Đinh Thị Thanh L1 phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng đã nộp tại biên lai số: AA/2016/0003234 ngày 23/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P.

[3] Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ngườiđược thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã P;
- Tòa án nhân dân thị xã P;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã P;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Toà KT, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Quang Hùng